

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG ĐÀ**

Dự thảo

*(Ban hành theo Nghị quyết số..... ngày.. tháng... năm... của Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp sông Đà)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ Công ty.
2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.
3. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
 - f. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;
 - h. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
 - i. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - j. Quy định công bố thông tin và minh bạch.
4. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:
 - a. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và KCN Sông Đà;
 - b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty;
 - d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.

1. Theo quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” hoặc “SUDICO” là Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà.



- b. **“HĐQT”** hay **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị SUDICO.
- c. **“ĐHĐCĐ”** hay **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông SUDICO.
- d. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.
- e. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.
- f. **“Điều lệ Công ty”** là Điều lệ của SUDICO được ĐHĐCĐ thông qua và các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ này theo từng thời điểm.
- g. **“Quản trị Công ty”** là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- h. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- i. **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh, đại diện Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- j. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- k. **“Người đại diện”** là Người đại diện phần vốn và Người đại diện không quản lý vốn của SUDICO tại doanh nghiệp khác. Người đại diện có thể là người có hợp đồng lao động với SUDICO hoặc là người lao động tại doanh nghiệp có phần vốn góp của SUDICO.
- l. **“Người đại diện phần vốn”** là người được SUDICO ủy quyền bằng văn bản nhân danh SUDICO thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SUDICO với tư cách là cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định.
- m. **“Người đại diện không quản lý vốn”** là người do SUDICO đề cử, giới thiệu để doanh nghiệp bổ nhiệm vào chức danh quản lý, điều hành hoặc Ban kiểm soát của doanh nghiệp khác mà không phải là Người đại diện phần vốn của SUDICO.



- n. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- o. **“Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”** là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản và/hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các điều khoản và/hoặc văn bản đó.

94
NG TY
PHÂN
PHÁT T
THỊ V
NG NG
NG Đ
EM

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.
 - Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa.
 - Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.



- Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
- 2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ các quyết định đó theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 4. Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Công ty xây dựng Điều lệ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các văn bản hướng dẫn thi hành và trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định (nếu bắt buộc).
2. Trường hợp có sự xung đột trong việc giải thích và áp dụng Quy chế này với các quy định pháp luật thì phải ưu tiên áp dụng các quy định pháp luật. Nếu nội dung Quy chế không trái quy định pháp luật thì ưu tiên áp dụng Quy chế.
3. Trường hợp có sự xung đột trong việc giải thích và áp dụng Quy chế này với Điều lệ Công ty thì phải ưu tiên áp dụng quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu nội dung Quy chế không trái quy định tại Điều lệ Công ty thì ưu tiên áp dụng Quy chế.
4. Trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật đều không có quy định điều chỉnh quan hệ cổ đông, quan hệ quản lý điều hành doanh nghiệp thì áp dụng Quy chế này nếu không trái với quy định pháp luật.

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hợp Đại hội đồng cổ đông

1. **Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:**
 - a. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Công ty sẽ công bố

thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- b. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nhiệm vụ để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- c. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung (và tài liệu kèm theo) và được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- d. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
 - Cổ đông có quyền tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo cho Công ty;
 - Việc ủy quyền dự họp phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty gửi kèm theo thông báo mời họp. Văn bản ủy quyền dự họp phải có đầy đủ các nội dung như quy định trong mẫu gửi kèm thông báo mời họp;
 - Trước khi vào phòng họp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải xuất trình chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân và/hoặc các tài liệu liên quan theo yêu cầu cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - HĐQT quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp;
 - Công ty xây dựng quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trong đó nêu rõ thủ tục đăng ký dự họp cho các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông theo đúng quy định. Vào ngày tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Ban tổ chức cuộc họp phải lập danh sách cổ đông đăng ký dự họp ngay trước khi khai mạc và tại các thời điểm biểu quyết.
- e. Các điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - Lần thứ nhất: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Lần thứ hai: Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Lần thứ ba: Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút

kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

f. Cách thức bỏ phiếu:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức để Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết trước hết có thể được tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết và ban kiểm phiếu sẽ thực hiện việc thống kê sơ bộ về kết quả biểu quyết theo hình thức này. Chủ tọa sẽ thông báo sơ bộ với Đại hội đồng cổ đông về kết quả biểu quyết về các vấn đề sau khi tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Các cổ đông sẽ biểu quyết về từng vấn đề trong nội dung chương trình bằng cách ghi vào thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của chủ tọa, quy chế làm việc, các nguyên tắc và thể lệ của đại hội;
- Cổ đông đến dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng;
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Các cổ đông sẽ bỏ phiếu vào hòm phiếu được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Ngoài ra, cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Đối với các hình thức biểu quyết này cổ đông phải đăng ký với Công ty trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 03 (ba) ngày trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

g. Cách thức kiểm phiếu:

- Sau khi hoàn thành việc thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình, ban kiểm phiếu sẽ thu các thẻ biểu quyết vào hòm phiếu đã được niêm phong và sau đó tiến hành công tác kiểm phiếu;
 - Ban kiểm phiếu sẽ bao gồm từ ba (03) đến năm (05) thành viên do chủ tọa, đoàn chủ tịch giới thiệu trong số những đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại một phòng riêng dưới sự giám sát của một đại diện cổ đông ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết của cổ đông. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu ghi nhận kết quả kiểm phiếu;
 - HĐQT Công ty có thể mời một tổ chức trung lập là cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc tổ chức tư vấn được Công ty thuê để hỗ trợ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc thu và kiểm phiếu biểu quyết.
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu:
- Sau khi có kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu từ việc kiểm tra các thẻ biểu quyết, Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành tổng số phiếu phản đối từng vấn đề, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ; tỷ lệ tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- i. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
 - Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- j. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
- Chủ tọa cử một hoặc nhiều người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Đ. N. Đ. N. A. N. A. N.

Kg

- Biên bản ĐHĐCĐ phải lập thành biên bản bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình và nội dung cuộc họp; Họ tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;
 - Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- k. Thông báo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:
- Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi Biên bản và Nghị quyết có thể thực hiện qua trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
 - Việc công bố các thông tin khác về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định.
1. Các vấn đề khác:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - Biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.
 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành

viên Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán nếu chủ tọa cho là cần thiết.
5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
7. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

101
CÔNG
CỔ
TƯỠ
ĐỒ
U CÔ
SỐ
TƯ L

Kg

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Để đảm bảo tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo nguyên tắc tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

Điều 11. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. **Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:**
 - a. **Các tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị:**
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành, nghề hoạt động chủ yếu của Công ty.
 - b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến

dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) ứng viên; nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- i. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- ii. Trình độ học vấn;
- iii. Trình độ chuyên môn;
- iv. Quá trình công tác;
- v. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- vi. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- vii. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- viii. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- ix. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- c. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- e. Thành viên HĐQT phải được cổ đông bầu trong số danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử theo phương thức bầu dồn phiếu.
- f. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3

để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời hạn hai mươi (24) giờ Công ty phải công bố thông tin về việc bổ sung thành viên HĐQT mới này theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, công bố thông tin miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm một trong các trường hợp sau đây:
 - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải báo cáo ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
6. Hội đồng quản trị có quyền quyết định độc lập các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty mà không phụ thuộc vào Tờ trình hay báo cáo từ Tổng Giám đốc.



Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong quản lý chung:

- a. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ những vấn đề thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông);
- b. Thực hiện giám sát, kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc;
- c. Quyết định sử dụng bộ máy quản lý, điều hành và các cá nhân trong Công ty và đơn vị trực thuộc Công ty để giúp Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty;
- d. Xử lý những sai phạm và xác định những tổn thất, quy trách nhiệm bồi thường tổn thất, thiệt hại do thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc gây ra;
- e. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- f. Đề xuất, kiến nghị, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các vấn đề sau:
 - Phương án phát hành cổ phần mới;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - Mức cổ tức được trả trong từng năm tài chính;
 - Việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - Mức lợi nhuận hàng năm được trích ra để phân bổ vào các quỹ của Công ty;
 - Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.
- g. Đình chỉ, hủy bỏ không điều kiện các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó có nguy cơ gây tổn hại tới lợi ích của Công ty và các cổ đông hoặc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- h. Quyết định liên kết với các công ty khác để thành lập nhóm công ty, tập đoàn;
- i. Quyết định lựa chọn và thuê công ty tư vấn luật, tài chính và các lĩnh vực khác (trừ việc lựa chọn công ty kiểm toán);
- j. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý điều hành công ty, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

- k. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo về việc giám sát, kiểm tra đối với hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính;
 - l. Giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch cho Tổng Giám đốc;
 - m. Trực tiếp giải quyết hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc giải quyết các khiếu nại liên quan đến Công ty tùy từng trường hợp cụ thể;
 - n. Chỉ đạo Tổng giám đốc xử lý, giải quyết các vụ kiện mà Công ty có liên quan.
- 2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh:**
- a. Xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định và giao cho bộ máy điều hành và các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh dài hạn và ngắn hạn của Công ty;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty và pháp luật liên quan;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức mà pháp luật không cấm (trừ trường hợp huy động thông qua phát hành cổ phần, trái phiếu được thực hiện theo Điều lệ Công ty và pháp luật) trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công Ty theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất không vượt quá ba (03) lần. Trường hợp vượt quá quy định này, Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét, quyết định;
 - e. Quyết định góp vốn vào các doanh nghiệp khác;
 - f. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - g. Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới và quyết định các giải pháp công nghệ;
 - h. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Quyết định mua lại hoặc thu hồi cổ phần không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
 - j. Thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa điểm, trụ sở chính của Công ty;
 - k. Thông qua việc đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao các dự án đầu tư của Công ty cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty để làm chủ đầu tư;
 - l. Tùy theo các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn để đầu tư vào các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mà Hội đồng quản trị

xác định, tổng mức đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) bằng hình thức mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp khác không vượt quá mức vốn chủ sở hữu của Công ty nếu không có hiệu quả;

- m. Đối với hoạt động đầu tư góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, tùy theo các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động Hội đồng quản trị có quyền đầu tư vào mỗi lĩnh vực một doanh nghiệp; trừ khi việc đầu tư có hiệu quả, mức vốn đầu tư không vượt quá 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận góp vốn, và mức vốn góp của Công ty và các công ty con của Công ty không vượt quá 30% mức vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn;
- n. Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức phù hợp với định hướng và ngành nghề kinh doanh của Công ty, pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước dự kiến đầu tư và luật pháp, thông lệ quốc tế;
- o. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định phương án xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong công tác kiện toàn tổ chức và quản lý lao động tại công ty:

- a. Quyết định thành lập, giải thể các doanh nghiệp mà công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.
- b. Quyết định thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc ở trong và ngoài nước.
- c. Trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với chức danh Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký công ty và các chức danh giúp việc cho Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc. Quyết định phân cấp việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương đối với các chức danh quản lý khác của Công ty thông qua quyết định riêng biệt của Hội đồng quản trị.
- d. Thông qua việc Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh: Trưởng phòng ban Công ty; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc. Đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị có quyền chủ động yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện, kể cả việc chấm dứt hợp đồng nếu xét thấy có nguy cơ gây tổn hại tới lợi ích của Công ty và cổ đông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện kịp thời yêu cầu của Hội đồng quản trị và báo cáo với Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp thực hiện quyền này thay Tổng giám đốc.
- e. Quyết định tạm thời đình chỉ chức vụ và công việc của tất cả các chức danh được quy định tại điểm c và điểm d của Khoản 3 Điều này.



- f. Quyết định lựa chọn và thuê tổ chức có đủ năng lực để quản lý các dự án của Công ty và giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.
- g. Quyết định chi phí quản lý doanh nghiệp hàng năm.

4. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính:

- a. Kiến nghị mức cổ tức và quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- b. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, Hội đồng quản trị sẽ lập phương án phát hành và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu pháp luật yêu cầu; thực hiện việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá định trước;
- c. Phê duyệt quy chế tài chính của Công ty; phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Tổng Giám đốc, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con báo cáo, giải trình về tình hình tài chính liên quan đến hoạt động của Công ty, đơn vị trực thuộc, công ty con bất cứ lúc nào; yêu cầu người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp cho Hội đồng quản trị biết tình hình tài chính của doanh nghiệp mà Công ty có phần vốn góp, trừ các trường hợp pháp luật cấm;
- e. Vay vốn từ cổ đông, từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phù hợp với thẩm quyền;
- f. Quyết định các hình thức huy động vốn khác mà pháp luật không cấm hoặc phê duyệt phương án huy động vốn do Tổng Giám đốc đề nghị.

5. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong việc quyết định các giao dịch, hợp đồng:

- a. Thông qua hợp đồng mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. Tùy từng trường hợp cụ thể, ủy quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết.
- b. Quyết định ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác. Trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đại diện Công ty ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, và Tổng giám đốc sẽ đại diện Công ty ký văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác theo quy định.
- c. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch ký giữa Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty với những người được qui định tại Khoản 1 Điều 162 của có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán

gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng có trách nhiệm gửi đến Hội đồng quản trị và giải trình với Hội đồng quản trị về nội dung của các hợp đồng, giao dịch đó. Thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết. Tổng giám đốc Công ty chỉ được ký các hợp đồng, giao dịch này sau khi đã có quyết định chấp thuận của Hội đồng quản trị.

- d. Có quyền quyết định các hợp đồng giao dịch khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng và có thể ủy quyền, phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng giao dịch này.
- 6. **Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong việc quản lý đối với các sản phẩm và đối với các công trình, các dự án đầu tư của Công ty:**
 - a. Chấp thuận nội dung, phương thức, tiến độ công việc và dự trù kinh phí cho công tác nghiên cứu cơ hội đầu tư hoặc chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư;
 - b. Phê duyệt ý tưởng quy hoạch kiến trúc, ý tưởng thiết kế công trình của Công ty và thông qua thiết kế quy hoạch chung 1/2000, thiết kế quy hoạch 1/500 trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - c. Chấp thuận một số tiêu chí cơ bản để lập thiết kế cơ sở, phê duyệt thiết kế kiến trúc cảnh quan tổng thể các dự án; quyết định kiểu dáng, mẫu mã từng loại sản phẩm để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư;
 - d. Phê duyệt chiến lược kinh doanh, phương án kinh doanh tổng thể, phương án kinh doanh theo giai đoạn cho từng dự án;
 - e. Phê duyệt dự án đầu tư, tiến độ triển khai đầu tư tổng thể, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thiết kế kỹ thuật và dự toán của từng công trình, dự án; Chấp thuận cho phép thực hiện trước một số hạng mục công việc trong quá trình triển khai dự án để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả đầu tư; Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu và Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu của dự án theo quy định tại Quy chế phân cấp về quản lý dự án đầu tư của Công ty;
 - f. Phê duyệt quyết toán đối với các công trình, dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy định của công ty;
 - g. Quyết định đầu tư đối với các dự án có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn ba lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - h. Tùy từng trường hợp, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc, công ty con quyết định đối với từng dự án cụ thể, ủy quyền toàn bộ hoặc một phần liên quan đến dự án theo quy định;
 - i. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền kiến nghị phương án thực hiện để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;
 - j. Quyết định đầu tư, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng các dự án đầu tư (một phần hoặc toàn bộ dự án) bao gồm cả chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng quyền

101
CÔ
CÔ
TƯ
ĐỒ
KHU C
SÔ
TƯ

kg

sử dụng đất, cơ sở hạ tầng trong các dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

7. Hội đồng quản trị còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 14. Hợp Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Điều lệ và Quy chế này.

1. Quy định chung về cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- a. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã được bầu theo nguyên tắc đa số lựa chọn một người trong số họ làm người triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Các cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải định kỳ triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- c. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác do Điều lệ hoặc quy chế này quy định.

Các đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- d. Hợp Hội đồng quản trị khi có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- e. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản

trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (được ủy quyền) dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- f. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định trên đây không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- g. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

- h. Các vấn đề khác được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty.

2. Người triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch triệu tập cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- b. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo thông báo phải có các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Hình thức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo nhiều hình thức, bao gồm các hình thức sau:

- a. Gặp mặt trực tiếp tại một địa điểm cố định;
- b. Họp thông qua điện thoại, internet và các hình thức khác. Trong trường hợp này, phải đảm bảo điều kiện kỹ thuật để mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát

94
S T V
H A N
A T T
H I V
S N G H
G D
A T

KG

biểu với các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

4. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ dự họp có một phiếu biểu quyết (trừ các trường hợp không có quyền biểu quyết quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này).
- b. Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền dự họp mới có quyền biểu quyết.
- c. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các vấn đề mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (kể cả trường hợp người được Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền dự họp) theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- e. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.
- f. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết chấp thuận (trên 50%). Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được coi là đã tham gia biểu quyết nếu phiếu lấy ý kiến có chữ ký của thành viên được gửi về Công ty đúng hạn và thành viên thể hiện rõ tán thành hay phản đối với nội dung cần lấy ý kiến. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
- g. Trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- h. Phương thức Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phòng, ban liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người Phụ trách quản trị Công ty có trách

nhiệm gửi Nghị quyết Hội đồng quản trị đến các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phòng, ban liên quan.

5. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Thư ký Công ty có trách nhiệm giúp Hội đồng quản trị ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào Biên bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.
- b. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian và địa điểm họp;
 - Họ tên thành viên tham dự và thành viên được ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được Hội đồng quản trị thông qua;
 - Chữ ký có ghi rõ tên của tất cả các thành viên dự họp hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp, chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

K6

có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về số lượng tiểu ban, việc thành lập, cơ cấu của các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên tại các tiểu ban (hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng trong trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban).
4. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty, và đáp ứng tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. **Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:**
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. **Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:**
 - a. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
 - Hết nhiệm kỳ được bổ nhiệm trong văn bản bổ nhiệm;
 - Không đủ điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty;
 - b. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định về việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Thành phần Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ này và

CHỖ
CÓ
CƠ
TƯ
Đ
H
C
S
T

KG

pháp luật quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Tư cách của Kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
- c. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

2. Kiểm soát viên phải không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
- c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- f. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.
4. **Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty:**
- a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Ban Kiểm soát (nếu có).
- b. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến 65% được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
5. Cách thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị.

94
S TY
HÀN
AT TP
H VÀ
NGHI
ĐÀ
A T



6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

- a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng Kiểm soát viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty đại chúng.
6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 23: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.

a. Các tiêu chuẩn và điều kiện chung của người điều hành doanh nghiệp:

- i. Không thuộc trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp hoặc giữ chức vụ có liên quan theo quy định pháp luật (bao gồm cả pháp luật hình sự, doanh nghiệp và phá sản doanh nghiệp);
- ii. Tạo được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Công ty;
- iii. Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;



- iv. Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
- v. Có kinh nghiệm kinh doanh (đặc biệt là các thông lệ kinh doanh quốc tế), có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội cũng như kiến thức và xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh (trong nước cũng như quốc tế);
- vi. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- vii. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có áp dụng) theo quy định của pháp luật.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể của Tổng giám đốc:

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện chung đối với người điều hành doanh nghiệp, Tổng giám đốc phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- i. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 65 và 157.2 Luật Doanh nghiệp;
- ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- iii. Có trình độ đại học trở lên;
- iv. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của bất kỳ một tổ chức hay doanh nghiệp nào khác;
- v. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn Công ty.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể của người điều hành khác:

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện chung đối với người điều hành doanh nghiệp, người điều hành khác (không phải là Tổng giám đốc) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- i. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
 - ii. Có trình độ đại học trở lên;
 - iii. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn Công ty.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
 3. Việc Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về lao động.



4. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đại diện ký trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, và phải tuân thủ các quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, doanh nghiệp khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó

chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành và những người có liên quan đến các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan.

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu theo các quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa và dịch vụ của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết theo quy định pháp luật cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VI
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 27. Hợp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Cuộc họp HĐQT theo định kỳ quy định tại Quy chế này do Chủ tịch HĐQT chuẩn bị nội dung và chủ trì; các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc được mời dự họp theo quy định. Khi thấy cần thiết, HĐQT có thể mời Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, ban chuyên môn Công ty và các thành phần khác dự họp. Tổng giám đốc chuẩn bị các nội dung báo cáo theo trách nhiệm và thẩm quyền, thảo luận theo chương trình họp của HĐQT.

Cuộc họp theo định kỳ của Hội đồng quản trị để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý hoặc năm và kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền thảo luận, phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị.

1. Cuộc họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc được ghi Biên bản. Nghị quyết và Biên bản của HĐQT được gửi tới Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Điều 28. Các cuộc họp do Tổng Giám đốc chủ trì

1. Các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì để bàn hoặc chuẩn bị các đề án hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm hoặc các cuộc họp kế hoạch quý, Tổng Giám đốc có thể mời Chủ tịch HĐQT tham dự, hoặc Chủ tịch HĐQT cử người đại diện tham dự.
2. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 29. Điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giải quyết các vấn đề cấp bách

1. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Chủ tịch HĐQT để HĐQT xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định đã ban hành.
2. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
3. Đối với các vấn đề cần phải quyết định ngay mà không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc không thể lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thì được xử lý kịp thời bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản

trị, Tổng giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát, sau đó Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

Điều 30. Hợp Hội đồng quản trị do Ban kiểm soát đề nghị

Nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý, điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình thì Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp để giải quyết, khắc phục. Nếu HĐQT không tổ chức họp để giải quyết hoặc khắc phục thì Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Hợp Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc đề nghị

Tổng giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT để kịp thời giải quyết những vấn đề cần thiết của Công ty.

Điều 32. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1. Báo cáo thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị:

- a. Dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm sau gửi Hội đồng quản trị trước ngày 31/10 của năm trước.
- b. Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của năm trước gửi Hội đồng quản trị trước ngày 31/01 của năm sau.
- c. Báo cáo công tác đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.
- d. Những vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, việc thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Báo cáo thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc gồm:

- a. Quyết định đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc về đầu tư dự án, đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công.
- b. Các thông tin thuộc thẩm quyền Tổng giám đốc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công bố theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- d. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.
- e. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- f. Các quy định quản lý nội bộ do Tổng giám đốc ban hành.

Điều 33. Hoạt động kiểm soát, giám sát, quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Việc giám sát và chỉ đạo của HĐQT: Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty giám sát hoặc chỉ đạo các hoạt động đối với bộ máy điều hành của Công ty. Nội dung giám sát, chỉ đạo là xem xét các thông tin, tài liệu, tình hình tài chính, kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông để có ý kiến trong cuộc họp của bộ máy điều hành Công ty.
2. Việc giám sát của Ban kiểm soát: Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty giám sát công tác quản lý của HĐQT và bộ máy điều hành Công ty. Nội dung giám sát là xem xét, thẩm định báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ quý, 6 tháng, năm; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực của tài liệu, chứng từ sổ sách kế toán để có ý kiến trong cuộc họp do HĐQT hoặc Tổng Giám đốc tổ chức hoặc kết luận trong báo cáo thẩm định hàng quý, hàng năm.
3. Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời báo cáo, tài liệu theo yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Việc giám sát và chỉ đạo của HĐQT, giám sát của Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty

1. Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT: đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu hoạt động SXKD của Công ty trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế; kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn đầu tư; tối đa hoá lợi nhuận; phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; đóng góp cho ngân sách Nhà nước; bảo đảm quyền lợi tối ưu của cổ đông; thu nhập của người lao động; đảm bảo lợi ích của khách hàng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT: Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên HĐQT quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và văn bản phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.

Định kỳ giữa năm và cuối năm tài chính, Hội đồng quản trị họp đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đã phê duyệt, phân tích nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở nhiệm vụ được phân công của từng thành viên.

16
Y
V
TRIE
A
TIỆP
H

Đánh giá kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát: Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên Ban kiểm soát: Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên quy định cụ thể tại văn bản phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát.

Định kỳ giữa năm và cuối năm tài chính, Ban kiểm soát họp đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và nhiệm vụ của Kiểm soát viên Ban kiểm soát. Đánh giá, thẩm định kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

3. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế trong kỳ kế hoạch hoặc các chỉ tiêu kinh tế nêu trong quyết định của Hội đồng quản trị với kết quả sản xuất kinh doanh thực tế.

Định kỳ giữa năm và cuối năm tài chính, Tổng giám đốc họp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty; phân tích nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 35. Khen thưởng

Kết thúc năm tài chính, sau khi có số liệu kiểm toán, nếu công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế, thì thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc được khen thưởng bằng hiện vật hoặc giá trị bằng tiền theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty. Tiền thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty. Nếu không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế thì thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc được hưởng mức lương, thù lao thấp hơn, tương ứng với tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế trong năm.

Điều 36. Kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Ban kiểm soát nếu vi phạm quy định tại Điều 156, Điều 169 Luật doanh nghiệp thì HĐQT hoặc Ban kiểm soát xem xét trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ đối với thành viên vi phạm.
2. Nếu thành viên HĐQT vi phạm quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ Công ty hoặc không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao mà chưa đến mức miễn nhiệm, bãi nhiệm thì HĐQT họp xét, kỷ luật khiển trách và thông báo cho doanh nghiệp có vốn góp của Công ty nếu thành viên Hội đồng quản trị bị kỷ luật là người đại diện quản lý phần vốn góp Công ty tại doanh nghiệp đó.
3. Nếu Kiểm soát viên Ban kiểm soát vi phạm quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp hoặc không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao mà chưa đến mức miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Ban kiểm soát họp xét kỷ luật khiển trách và thông báo

với doanh nghiệp có vốn góp tại Công ty mà Kiểm soát viên Ban kiểm soát bị kỷ luật là người đại diện quản lý phần vốn góp tại Công ty của doanh nghiệp đó.

4. Nếu Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật thì HĐQT xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nếu vi phạm quy định chưa đến mức miễn nhiệm, bãi nhiệm thì HĐQT họp, xem xét kỷ luật khiển trách.
5. Đối với cán bộ từ cấp Phó Tổng giám đốc công ty trở xuống nếu vi phạm kỷ luật lao động thì Tổng giám đốc sẽ xem xét xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và Nội quy lao động của Công ty.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 38. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IX

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 39. Báo cáo

Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 40. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.
3. Trường hợp có sự khác nhau giữa một số quy định tại Quy chế này và một số quy định của quy chế khác của Công ty thì quy định của quy chế nào được ban hành mới nhất sẽ có hiệu lực cao hơn.

CHƯƠNG XI

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm 11 Chương và 41 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng..... năm.....
2. Quy chế này là quy chế quản trị chính thức của Công ty. Quy chế này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được thông qua./.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch
